HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20 /2021/NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 8948/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020; Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung điều 5 quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh./

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện KS nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: http://dbndnghean.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thái Thanh Quý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập; các cơ quan khác đóng trên địa bàn; các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, phường, xã, thị trấn.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

a) Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa dịch vụ sản xuất trong nước, thu khác về thuế của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác do Cục Thuế quản lý thu;

b) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

c) Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ qua các đơn vị chi trả và thuế thu nhập cá nhân khác của các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu;

d) Thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển đối với giấy phép tỉnh cấp cho các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu;

đ) Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác do Cục Thuế quản lý thu;

e) Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có quy định riêng);

g) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, hoạt động khai thác khoáng sản các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu;

h) Tiền thuê mặt đất, mặt nước (bao gồm cả đất, rừng, ...). Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền cấp quyền giao của địa phương;

i) Thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các trang trại, nông trường;

k) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

l) Thu hồi vốn ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; các khoản thu khác từ vốn góp của tỉnh;

m) Tiền thu được từ xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử lý và số tiền thu được từ xử lý tài sản công phải nộp vào ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo phân cấp;

n) Thu phạt vi phạm hành chính, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu (bao gồm cả thu phạt an toàn giao thông);

o) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;

p) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính tỉnh;

q) Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển theo khoản 5, khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

r) Thu kết dư ngân sách tỉnh;

s) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

t) Thu cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương;

u) Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang;

v) Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại được chia; Thu bán bớt một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

x) Thu từ hỗ trợ của địa phương khác cho ngân sách cấp tỉnh.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là ngân sách cấp huyện), ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã):

a) Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh ngiệp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác (ngoài các đơn vị Cục Thuế quản lý thu);

b) Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ qua các đơn vị chi trả; kế thừa, quà tặng, chuyển nhượng tài sản;... do Chi cục Thuế quản lý thu trên địa bàn thành phố Vinh và các thị xã (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh);

c) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển đối với giấy phép tỉnh cấp cho các đơn vị do Chi cục Thuế quản lý thu;

d) Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã;

đ) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và tài sản khác trên địa bàn thành phố Vinh và các thị xã.

Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp huyện

1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%:

a) Thuế tiêu thụ đặc biệt dịch vụ, hàng hóa sản xuất trong nước; thu khác về thuế của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác do Chi cục Thuế quản lý thu;

b) Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ qua các đơn vị chi trả; kế thừa, quà tặng, chuyển nhượng tài sản;.... do Chi cục Thuế quản lý thu trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh);

c) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và tài sản khác trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã;

d) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải các đơn vị do Chi cục Thuế quản lý thu;

đ) Lệ phí môn bài các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác do Chi cục Thuế quản lý thu;

e) Các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp huyện tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có qui định riêng);

g) Tiền thu được từ xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định xử lý theo phân cấp và số tiền thu được từ xử lý tài sản công phải nộp vào ngân sách nhà nước

thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, xã theo phân cấp;

h) Thu phạt vi phạm hành chính do cấp huyện thực hiện, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện;

i) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

k) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

l) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

m) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh;

n) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang;

o) Thu từ hỗ trợ của địa phương khác cho ngân sách cấp huyện.

2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

a) Thuế giá trị gia tăng từ kinh tế cá thể, hộ gia đình trên địa bàn thành phố Vinh và các thị xã (các huyện còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%);

b) Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố Vinh và các thị xã (các huyện còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%);

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn các phường thuộc thành phố Vinh và các thị xã;

d) Lệ phí trước bạ nhà đất;

đ) Phí bảo vệ môi trường đối với các hoạt động khai thác khoáng sản đối với các đơn vị do Chi cục Thuế quản lý thu.

Điều 5. Nguồn thu ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thu khác về thuế từ kinh tế cá thể, hộ gia đình;

b) Lệ phí môn bài từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các hộ gia đình;

d) Thuế giá trị gia tăng từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện (trừ thành phố Vinh và các thị xã);

đ) Thuế thu nhập cá nhân từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn các huyện (trừ thành phố Vinh và các thị xã);

e) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với các xã của thành phố Vinh và các thị xã; các xã, thị trấn của các huyện;

g) Các khoản phí, lệ phí do cấp xã tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có qui định riêng);

h) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải của các tổ chức, hộ gia đình do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thu;

i) Tiền thu được từ xử lý tài sản công thuộc thẩm quyền Uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định xử lý theo phân cấp;

k) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

l) Thu phạt vi phạm hành chính, thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quyết định và tổ chức thu;

m) Thu đóng góp và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho cấp xã theo quy định;

n) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

o) Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

p) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện;

q) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang;

r) Thu từ hỗ trợ của địa phương khác cho ngân sách cấp xã.

2. Các khoản thu phân chia cho ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

Điều 6. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
1	**Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt**				
a	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác do Cục Thuế quản lý thu (không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, hoạt động khai thác dầu khí)		100		

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
b	Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác do Chi cục Thuế quản lý thu (trừ các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu)				
-	Đối với thành phố Vinh		80	20	0
-	Đối với các thị xã: Cửa Lò, Hoàng Mai, Thái Hòa		50	50	0
-	Đối với các huyện đồng bằng		40	60	0
-	Đối với 10 huyện miền núi		20	80	0
-	Riêng đối với thuế tiêu thụ đặc biệt (ngoài các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu)			100	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước	100			
c	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh thuộc hộ gia đình, cá thể				
-	Đối với thành phố Vinh		0	90	10
-	Đối với các thị xã: Cửa Lò, Hoàng Mai và Thái Hoà		0	70	30
-	Đối với các huyện còn lại				100
-	Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt (do Chi cục Thuế quản lý thu)			100	
2	**Lệ phí môn bài**				
a	Doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; các tổ chức khác (các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang Trung ương và tỉnh, ...) do Cục Thuế quản lý thu		100		

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
b	Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, …); các tổ chức khác (các cơ cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang, …) do Chi cục Thuế quản lý thu			100	
c	Từ cá nhân, hộ kinh doanh				100
3	**Thuế tài nguyên**		100		
4	**Thu khác về thuế**				
a	Các doanh nghiệp nhà nước Trung ương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100			
b	Các doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế quản lý thu		100		
c	Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quản lý thu (ngoài các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu)			100	
d	Các hộ gia đình, cá thể kinh doanh				100
5	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết**		100		
6	**Thuế thu nhập cá nhân**				
a	Khấu trừ qua các đơn vị chi trả và thuế thu nhập cá nhân khác do Cục Thuế quản lý thu		100		

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
b	Khấu trừ qua các đơn vị chi trả; kế thừa, quà tặng, chuyển nhượng tài sản;.... do Chi cục Thuế quản lý thu (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh)				
-	Đối với thành phố Vinh, các thị xã: Hoàng Mai, Thái Hoà, Cửa Lò		50	50	0
-	Đối với các huyện còn lại			100	
c	Các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn				
-	Đối với thành phố Vinh, các thị xã: Hoàng Mai, Thái Hoà, Cửa Lò		0	60	40
-	Đối với các huyện còn lại				100
7	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**				
a	Thu các hộ sản xuất tại địa bàn xã, phường, thị trấn				100
b	Thu từ các nông trường, trạm, trại nông nghiệp		100		
8	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**				
a	Đối với thành phố Vinh, các thị xã: Cửa Lò, Hoàng Mai, Thái Hoà				
-	Các phường		0	30	70
-	Các xã				100
b	Đối với các huyện còn lại				100

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
9	**Tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước**				
a	Tiền sử dụng đất Các khu đất thuộc thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Hoàng Mai, các huyện: Diễn Châu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Đô Lương được tỉnh quy hoạch đấu giá, giao đất để tạo nguồn vốn đầu tư những công trình, dự án của tỉnh (tiền sử dụng đất dọc hai bên trục dường các dự án: Đại lộ Vinh - Cửa Lò, Đường N5 từ Khu kinh tế Đông Nam đến Hoà Sơn, Đô Lương; tiền sử dụng đất dự án các khu đô thị, khu tái định cư trong Khu Kinh tế Đông Nam)		100		
b	Các dự án Bất động sản trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã (không bao gồm thành phố Vinh, các thị xã: Cửa Lò, Hoàng Mai, Thái Hòa) nhưng không xác định để đầu tư công trình cụ thể		60	25	15
-	Thành phố Vinh		55	40	5
-	Thị xã Cửa Lò		50	40	10
-	Thị xã Hoàng Mai		30	55	15
-	Thị xã Thái Hòa		50	40	10
c	Đối với các khu đất để xây dựng Khu đô thị thực hiện các dự án đầu tư xây dựng - chuyển giao (BT)		100		

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
d	Tiền sử dụng đất trừ các khu đất thuộc các điểm 9.a, 9.b, 9.c nêu trên				
-	Thành phố Vinh		30	65	5
-	Thị xã Cửa Lò		0	90	10
-	Thị xã Hoàng Mai		0	70	30
-	Thị xã Thái Hòa		0	70	30
-	Huyện Nam Đàn		0	70	30
-	Các huyện còn lại		35	25	40
e	Tiền sử dụng đất thu được từ 4 dự án bất động sản trên địa bàn thành phố Vinh: Khu đô thị mới tại phường Đông Vĩnh và phường Cửa Nam; Khu đô thị phía Tây Nam tại phường Vinh Tân và xã Hưng Chính; Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa và Mở rộng khu đô thị tại xã Hưng Hòa			100	
g	Đối với các khu đất được tỉnh dành riêng để thực hiện các dự án trọng điểm theo các nghị quyết của tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh		100		
h	Đối với các khu đất đấu giá của các tài sản công (không tính tài sản trên đất)				
-	Đối với các khu đất đấu giá của các tài sản công để đầu tư trở lại xây dựng trụ sở các cơ quan đơn vị có tài sản theo Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt				
+	Tài sản các đơn vị cấp tỉnh quản lý		100		
+	Tài sản các đơn vị cấp huyện quản lý			100	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
+	Tài sản các đơn vị cấp xã quản lý				100
-	Đối với các khu đất đấu giá của các tài sản công không đầu tư trở lại cho các cơ quan đơn vị có tài sản				
+	Tài sản các đơn vị cấp tỉnh quản lý		100		
+	Tài sản các đơn vị cấp huyện quản lý		30	70	0
+	Tài sản các đơn vị cấp xã quản lý		0	50	50
i	Tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các khu đất được ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ghi chi kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư được điều tiết như sau:				
-	Các khu đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đấu giá			100	
-	Các khu đất do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đấu giá				100
-	Các khu đất còn lại		100		
k	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		100		
10	**Thuế bảo vệ môi trường**				
a	Thu xăng dầu sản xuất trong nước		100		
b	Thu xăng dầu nhập khẩu	100			
11	**Tiền đền bù thiệt hại đất**				
a	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp tỉnh quản lý		100		
b	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp huyện quản lý			100	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
c	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp xã quản lý.				100
12	**Tiền thu được từ xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn**				
a	Nhà ở và nhà thuộc sở hữu Nhà nước		100		
b	Tài sản, nhà thuộc sở hữu Nhà nước trên đất				
-	Trung ương quản lý	100			
-	Tỉnh quản lý		100		
-	Huyện quản lý			100	
-	Xã quản lý				100
13	**Lệ phí trước bạ**				
a	Lệ phí trước bạ nhà đất				
-	Thành phố Vinh và các thị xã: Cửa Lò, Thái Hoà và Hoàng Mai		0	70	30
-	Các huyện còn lại		0	50	50
b	Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác				
-	Thành phố Vinh và các thị xã: Cửa Lò, Thái Hoà và Hoàng Mai		50	50	0
-	Các huyện còn lại			100	
14	**Phí bảo vệ môi trường**				
a	Đối với nước thải, khí thải				
-	Các đơn vị Cục thuế quản lý thu		100		
-	Các đơn vị Chi cục Thuế quản lý thu			100	
-	Các tổ chức, hộ dân do cấp xã quản lý thu				100

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
b	Đối với hoạt động khai thác khoáng sản				
-	Các đơn vị Cục Thuế quản lý thu		100		
-	Các đơn vị Chi cục Thuế quản lý thu		0	50	50
15	**Cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển**				
a	Giấy phép do Trung ương cấp	70	30		
b	Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp				
-	Các đơn vị Cục Thuế quản lý thu		100		
-	Các đơn vị Chi cục Thuế quản lý thu		30	50	20
16	**Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường)**				
a	Các đơn vị Trung ương tổ chức thu	100			
b	Các đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu		100		
c	Các đơn vị cấp huyện tổ chức thu			100	
d	Các đơn vị cấp xã tổ chức thu				100
17	**Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế; Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh**		100		
18	**Tiền sử dụng khu vực biển**				
a	Giấy phép do Trung ương cấp	100			
b	Giấy phép do địa phương cấp		100		
19	**Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa**		100		

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
20	**Viện trợ không hoàn lại các tổ chức, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật**				
a	Tỉnh		100		
b	Huyện			100	
c	Xã				100
21	**Thu từ quỹ đất công, công ích và thu hoa lợi công sản xã, phường, thị trấn quản lý**				100
22	**Thu sự nghiệp của các đơn vị do địa phương quản lý**				
a	Tỉnh		100		
b	Huyện			100	
c	Xã				100
23	**Các khoản phạt (bao gồm thu phạt vi phạm an toàn giao thông), tịch thu và thu khác của ngân sách theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách Nhà nước theo quy định)**				
a	Do cơ quan Trung ương ra quyết định	100			
b	Do cơ quan cấp tỉnh ra quyết định		100		
c	Do cơ quan cấp huyện ra quyết định			100	
d	Do cấp xã ra quyết định				100
24	**Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật**				
a	Tỉnh		100		
b	Huyện			100	
c	Xã				100

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách			
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (%)	Ngân sách xã, phường, thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
25	**Thu kết dư ngân sách**				
a	Tỉnh		100		
b	Huyện			100	
c	Xã				100
26	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**				
a	Tỉnh		100		
b	Huyện			100	
c	Xã				100
27	**Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau**				
a	Tỉnh		100		
b	Huyện			100	
c	Xã				100
28	**Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại; tiền bán bớt cổ phần nhà nước**				
a	Trung ương quản lý	100			
b	Tỉnh quản lý		100		
29	**Các khoản thu khác thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Trung ương**				

Chương III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

- Trụ sở các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang cấp tỉnh. Hỗ trợ xây dựng trụ sở cấp huyện, cấp xã;

- Các cơ sở giáo dục - đào tạo, dạy nghề công lập thuộc cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ xây dựng Trung tâm Chính trị cấp huyện và các cơ sở giáo dục - đào tạo khác theo quy định;

- Các cơ sở y tế công lập gồm: Bệnh viện đa khoa và các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh; Bệnh viện đa khoa khu vực; Bệnh viện đa khoa huyện, đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh; hỗ trợ Trung tâm y tế, trạm y tế xã;

- Kênh thủy lợi cấp I, các công trình thủy lợi đầu mối tỉnh quản lý;

- Các công trình giao thông tỉnh quản lý;

- Các công trình kết cấu hạ tầng văn hóa thông tin, trùng tu tôn tạo di tích, bảo tàng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn, phát huy di sản văn hoá phi vật thể; công trình thể dục thể thao, phúc lợi xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Các công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường, công nghiệp, thương mại và cấp, thoát nước,...

b) Đầu tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Chi chương trình mục tiêu Quốc gia (vốn đầu tư);

d) Chi trả nợ các khoản huy động theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 7 của Luật ngân sách Nhà nước;

đ) Chi trả lãi, phí và chi phí khác phát sinh từ các khoản vay theo quy định pháp luật;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển, chi hỗ trợ đầu tư khác theo quy định.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi sự nghiệp kinh tế:

- Duy tu, bão dưỡng sửa chữa cầu đường bộ, đường thuỷ nội địa do cấp tỉnh quản lý và các công trình giao thông khác;

- Duy tu bão dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; chi khoanh nuôi bảo vệ, phòng chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

- Các chính sách phát triển nông nghiệp - nông thôn;

- Chi sự nghiệp tài nguyên: chi đo đạc, lập bản đồ địa chính; chi quy hoạch thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

- Chi xúc tiến đầu tư, khuyến công và các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của tỉnh;

- Chi cấp không báo, quỹ nhuận bút, xuất bản báo, tờ tin nội bộ;

- Chi phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền;

- Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh;

- Các hoạt động kinh tế khác do ngân sách tỉnh đảm bảo.

b) Chi sự nghiệp môi trường:

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường;

- Hoạt động điều tra cơ bản, khảo sát, báo cáo, cảnh báo, lập dự án, đề án về môi trường;

- Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh;

- Xây dựng năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường liên huyện, toàn tỉnh;

- Hoạt động quản lý chất thải;

- Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng;

- Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Hỗ trợ Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh; xử lý các dự án bảo vệ môi trường do thuốc bảo vệ thực vật tồn dư trên địa bàn;

- Hỗ trợ kinh phí quản lý, đối ứng các dự án viện trợ không hoàn lại liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường, bảo vệ môi trường (nếu có);

- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền cấp tỉnh thực hiện theo quy định pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: giáo dục mầm non cấp tỉnh quản lý, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các trường dạy nghề dài hạn và ngắn hạn, các hình thức bồi dưỡng, dạy nghề khác; chi cho các cơ sở giáo dục và các hoạt động giáo dục đào tạo khác do cấp tỉnh quản lý;

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi cho công tác khám chữa bệnh; các đơn vị sự nghiệp y tế khác do cấp tỉnh quản lý;

- Chi cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình;

- Chi công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch trên người;

- Chi quỹ khám bệnh cho người nghèo;

- Chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ gia đình cận nghèo, học sinh sinh viên, hộ gia đình nông - lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình từ ngân sách địa phương;

- Các hoạt động sự nghiệp y tế khác.

đ) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, công nghệ thông tin: chi cho nghiên cứu khoa học; ứng dụng công nghệ thông tin; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin khác do cấp tỉnh quản lý;

e) Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin và truyền thông, du lịch:

- Chi cho bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể, phi vật thể;

- Chi hoạt động biểu diễn nghệ thuật, triển lãm do cấp tỉnh tổ chức;

- Chi bảo quản, tu bổ, tu sửa cấp thiết các di tích cấp tỉnh quản lý;

- Hỗ trợ chiếu phim; xuất bản sách, báo;

- Chi nghiên cứu, khảo sát phát triển sản phẩm du lịch, quảng bá, xúc tiến du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch;

- Các hoạt động văn hóa, thông tin, du lịch khác do cấp tỉnh quản lý.

g) Chi sự nghiệp thể thao: chi chế độ tiền công, chế độ dinh dưỡng và các chế độ liên quan khác cho huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, tập trung tập luyện và tập trung thi đấu và phục vụ các giải thi đấu cấp tỉnh trở lên; các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do cấp tỉnh quản lý và tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn quốc;

h) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: chi cho các nhiệm vụ phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh quản lý;

i) Chi đảm bảo xã hội: chi cho các trung tâm, các trại xã hội, chi cứu trợ xã hội, chi phòng chống các tệ nạn xã hội, chi hỗ trợ đóng thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng tự nguyện,... các hoạt động xã hội khác do cấp tỉnh quản lý;

k) Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan Đảng; tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

l) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh thực hiện theo đặc thù của địa phương và quy định của Chính phủ;

m) Chi thường xuyên về các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho cấp tỉnh quản lý;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do cấp huyện quản lý theo phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành. Bao gồm:

- Xây dựng trụ sở các cơ quan hành chính cấp huyện;

- Các trung tâm y tế cấp huyện; trạm y tế cấp xã;

- Các công trình kết cấu hạ tầng về văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, trùng tu tôn tạo di tích và các công trình phúc lợi xã hội khác thuộc cấp huyện quản lý;

- Xây dựng các công trình thủy lợi liên xã, các công trình giao thông liên xã, các dự án đầu tư do cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Chi đầu tư xây dựng các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, phổ thông cơ sở, tiểu học, giáo dục mầm non; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Trường trung cấp nghề do cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Chi trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do cấp huyện vay.

b) Hỗ trợ sửa chữa các công trình cấp huyện quản lý trên địa bàn;

c) Chi hỗ trợ đầu tư các công trình cấp xã làm chủ đầu tư;

d) Chi đầu tư xây dựng cơ bản khác theo phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành;

Đối với thành phố và thị xã, ngoài các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển nêu trên còn có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi sự nghiệp kinh tế:

- Chi quy hoạch và các nhiệm vụ chi phát triển kinh tế thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện;

- Chi cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông, thuỷ lợi do cấp huyện quản lý;

- Chi sự nghiệp tài nguyên, quỹ địa chính: chi đo đạc, lập bản đồ địa chính; chi quy hoạch thuộc nhiệm vụ của cấp huyện;

- Chi hỗ trợ để xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng các mô hình kinh tế; chi sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản...;

- Các hoạt động sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện quản lý theo phân cấp.

b) Chi sự nghiệp môi trường:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn;

- Thu gom và xử lý vệ sinh rác thải và nước thải tại các bãi chôn lấp rác trên địa bàn...;

- Khắc phục ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản,...;

- Chi các hoạt động khác do cấp huyện quản lý theo phân cấp.

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Chi cho giáo dục trung học phổ thông, trung học cơ sở, phổ thông cơ sở, tiểu học, giáo dục mầm non; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Trường trung cấp nghề; Trung tâm Chính trị cấp huyện quản lý;

- Chi duy tu sửa chữa trường lớp học, mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn cấp huyện;

- Chi tuyên truyền - phổ biến pháp luật.

d) Chi sự nghiệp y tế:

- Chi hoạt động trung tâm y tế cấp huyện; trạm y tế cấp xã; công tác phòng bệnh trên địa bàn;

- Công tác phòng chống dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn;

- Mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách Nhà nước đảm bảo (trừ các đối tượng ngân sách tỉnh đã đảm bảo);

- Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất trung tâm y tế cấp huyện, trạm y tế cấp xã.

đ) Chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao, thông tin, truyền thông, du lịch, chi ứng dụng công nghệ thông tin do cấp huyện quản lý:

- Chi cho bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể;

- Chi bảo quản, tu bổ, tu sửa cấp thiết các di tích cấp huyện quản lý;

- Các nhiệm vụ chi khác được phân cấp.

e) Chi đảm bảo xã hội:

- Chi trả trợ cấp cho các đối tượng xã hội phân cấp huyện quản lý trên địa bàn;

- Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách ngày lễ, tết ngoài các đối tượng đã được Chủ tịch nước tặng quà như: con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; người tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân, huy chương và người trong gia đình được tặng thưởng huân, huy chương (huy chương gia đình) còn sống nhưng không hưởng các chế độ (hưu trí, mất sức lao động, cán bộ đang công tác, trợ cấp ưu đãi người có công); người phục vụ cho người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; đại diện thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp tuất người có công hàng tháng: cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa (trừ thân nhân hưởng tuất liệt sĩ, tuất vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng, vợ khác) thương binh, bệnh binh, chất độc hóa học; cựu thanh niên xung phong hưởng trợ cấp hàng tháng và người hưởng trợ cấp hàng tháng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ như: số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008; số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010; số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 và các đối tượng khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các nhiệm vụ chi khác được phân cấp.

g) Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý và các nhiệm vụ chi khác được phân cấp;

h) Công tác quốc phòng - an ninh địa phương:

- Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh trật tự trên địa bàn;

- Tổ chức và phối hợp diễn tập khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự cấp huyện theo quy định;

- Công tác tuyển, giao quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về, công tác giáo dục quốc phòng;

- Chi hỗ trợ hoạt động các tiểu đội dân quân thường trực; chi trả phụ cấp và kinh phí hoạt động cho các trung đội, tiểu đội dân quân do cấp huyện quản lý;

- Các huyện có đường biên giới: chi quản lý cột mốc, đường biên giới;

- Hỗ trợ các hoạt động giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn;

- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và các nhiệm vụ khác theo quy định.

i) Chi hỗ trợ hoạt động thanh tra nhân dân, ban đại diện người cao tuổi;

k) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

3. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách cấp xã theo phân cấp hiện hành;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và Luật Đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo phân cấp hiện hành.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi hỗ trợ các hoạt động kinh tế:

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do cấp xã quản lý;

- Kinh phí lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

- Chi sự nghiệp tài nguyên: chi đo đạc, lập bản đồ địa chính; chi quy hoạch thuộc nhiệm vụ của cấp xã;

- Hỗ trợ các mô hình kinh tế, hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định;

- Chi hỗ trợ để xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; chi sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản…

- Các hoạt động kinh tế khác.

b) Chi hoạt động bảo vệ môi trường:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn;

- Thu gom, vận chuyển, xử lý, chôn lấp chất thải ở địa bàn cấp xã quản lý;

- Khắc phục ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản,…;

- Các nhiệm vụ chi khác được phân cấp.

c) Chi hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đào tạo: nhà trẻ, mẫu giáo; trung học cơ sở, tiểu học; trung tâm học tập cộng đồng; hội khuyến học và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác trên địa bàn;

d) Chi sự nghiệp y tế: hỗ trợ các trạm y tế, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn; hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn;

đ) Chi đảm bảo xã hội:

- Trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 01 lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả);

- Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác.

e) Chi các hoạt động văn hoá, thông tin, nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hoá, đài truyền thanh và các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao xã, phường, thị trấn; hỗ trợ công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng văn hoá dân cư và chi sự nghiệp văn hoá, xã hội khác do cấp xã quản lý;

g) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật:

- Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ cấp xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

- Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã;

- Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật.

h) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

i) Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ;

- Chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự;

- Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn;

- Tổ chức hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; các hoạt động quốc phòng khác trên địa bàn;

- Công tác an ninh, trật tự, phòng cháy chữa cháy, an toàn xã hội ở địa phương;

- Diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão, chiến đấu trị an cấp xã theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền;

- Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội khác.

k) Chi sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, kết cấu hạ tầng khác do cấp xã quản lý;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN